

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 729/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1077/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 520/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 664/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 876/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Quách Văn T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số D đường Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số D đường Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bà B vắng mặt không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Quách Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách Văn T và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2006/TH, quyền số 01/SK ngày 25/5/2006 do Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Khoảng tháng 4/2022, bà B chuyển ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Ông T khai ông và bà B có 02 con chung tên Quách Ngọc Thanh T1, sinh ngày 22/02/1991, Quách Đại P, sinh ngày 14/8/1997. Hai con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T khai không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà B đến Tòa án để hòa giải nhưng bà B không đến, điều đó cho thấy bà B không còn thiết tha trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà B là có thật và đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2006/TH, quyền số 01/SK ngày 25/5/2006 do Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông T và bà B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179; Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà B vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác nhận mâu thuẫn hôn nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông T và bà B sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà B để tham gia phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay nhưng bà B đều vắng mặt không có lý do chính đáng, điều đó cho thấy bà B hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà B đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Ông T xác nhận có 02 con chung tên Quách Ngọc Thanh T1, sinh ngày 22/02/1991, Quách Đại P, sinh ngày 14/8/1997. Hai con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Bà B không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác nhận không có nợ chung. Bà B không đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông T tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp.

[5]. Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 180, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị B.

Quan hệ hôn nhân của ông Quách Văn T và bà Nguyễn Thị B (theo vào Giấy chứng nhận kết hôn số: 57/2006/TH, quyền số 01/SK do Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/5/2006) chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông Quách Văn T xác nhận có 02 con chung tên Quách Ngọc Thanh T1, sinh ngày 22/02/1991, Quách Đại P, sinh ngày 14/8/1997, đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Quách Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Quách Văn T khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Văn T thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Quách Văn T tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2023/0000315 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Quách Văn T, bà Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Nhung